TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP C** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày 25-02-2022
Tranh chấp Kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP C

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công K.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phú C
2. Ông Nguyễn Viết X
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tuyết Q.
- *Viện KKểm sát nhân dân TP C:* Bà Phan Thị Thanh U, KKểm sát viên.

Trong ngày 25/02/2022, tại Tòa án nhân dân TP C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2021/TLST-KDTM, ngày 01/6/2021, về việc "Tranh chấp về hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2021/QĐXXST-KDTM, ngày 06/12/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Phạm Minh V, sinh năm 1970 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân V N;

Địa chỉ: Số 304, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, TP C, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông V: Bà Đỗ Thị Mai T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 304, quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, TP C, tỉnh Đ – là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 30/UQ-VN.2021, ngày 28/12/2021).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn K, sinh năm 1982 - Chủ hộ Kinh doanh Đại lý vật tư nông nghiệp "K KK".

Địa chỉ: Ấp Hà Hưng, xã Hưng Hà, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*Bà Nguyễn Thị KK, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp h, xã x, huyện y, tỉnh A.

Bà Đỗ Thị Mai T có mặt tại phiên tòa. Ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị KK vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Ông Phạm Minh V có bà Đỗ Thị Mai T đại diện trình bày:*

Ngày 01/9/2019, Doanh nghiệp tư nhân V N và Đại lý vật tư nông nghiệp "K KK" ký hợp đồng mua bán số 0238-NT/HĐMB/2019-2020 về việc mua phân bón, điều KKện thanh toán không được quá thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận hàng. Đến ngày 30/9/2020, ông Lê Văn K còn nợ Doanh nghiệp tư nhân V N số tiền là 928.825.000 đồng, trong đó, tiền mua phân bón 898.035.000 đồng và tiền lãi: 30.790.000 đồng (lãi suất 1%/tháng). Doanh nghiệp có làm việc với

Đại lý K KK về số tiền nợ và có xác nhận vào các Biên bản đối chiếu công nợ cụ thể vào ngày 11/11/2019, ngày 11/12/2019 và ngày 22/4/2020. Hiện tại, ông K cố tình né tránh, kéo dài thời gian thanh toán nợ. Tính đến ngày 21/01/2021 ông Lê Văn K còn nợ Doanh nghiệp tư nhân V N số tiền là 808.775.000 đồng, trong đó tiền gốc mua phân bón là 748.035.000 đồng và tiền lãi là 60.740.000 đồng (với lãi suất 1%/tháng). Nay Doanh nghiệp tư nhân V N yêu cầu ông Lê Văn K trả tiền vốn 748.035.000 đồng. Trả lãi trả chậm tạm tính đến ngày 21/01/2021 là 60.740.000 đồng (với lãi suất 1%/tháng) và tính lãi phát sinh do chậm thanh toán, lãi suất 1%/tháng đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa, Doanh nghiệp tư nhân V N trình bày, tính đến ngày 21/01/2021, ông Lê Văn K còn nợ tiền vốn 748.035.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/02/2022, số tiền lãi 160.471.000 đồng. Nay Doanh nghiệp tư nhân V N yêu cầu ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị KK liên đới trả tiền vốn 748.035.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/02/2022, số tiền lãi số tiền 160.471.000 đồng và tính lãi lãi suất 1%/tháng đến khi thanh toán hết nợ.

- *Ông Lê Văn K* và *bà Nguyễn Thị KK* : Không có văn bản ý KKến nộp cho tòa án.

- *Viện KKểm sát phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; đảm bảo thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 của bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa : Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng : Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị KK liên đới trả tiền gốc mua phân bón 748.035.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/02/2022, số tiền 160.471.000 đồng. Đồng thời tính lại chậm thanh toán với lãi suất 1%/tháng từ ngày 25/02/2022 đến khi giải quyết vụ án xong.

Tại phiên toà, các đương sự xuất trình bảng chi tiết lãi cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ông Phạm Minh V có đơn khởi KKện yêu cầu ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị KK trả tiền mua tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án*: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP C, tỉnh Đ.

[3] *Về nội dung:* Doanh nghiệp tư nhân V N và Đại lý vật tư nông nghiệp "K KK" có đăng ký Kinh doanh (theo công văn số 188/TCKH-NS, ngày 05/4/2021 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện H, tỉnh A) theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 01/9/2019, Doanh nghiệp tư nhân V N và Đại lý vật tư nông nghiệp "K KK" ký hợp đồng mua bán số 0238-NT/HĐMB/2019-2020 về việc mua phân bón. Doanh nghiệp tư nhân V N và đại lý "K KK" đối chiếu công nợ cụ thể như vào ngày 11/11/2019, ngày 11/12/2019 và ngày 22/4/2020. Tính đến ngày 21/01/2021, ông Lê Văn K – chủ Đại lý vật tư nông nghiệp "K KK" còn nợ tiền gốc 748.035.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/02/2022, số tiền lãi 160.471.000 đồng. Nay Doanh nghiệp tư nhân V N yêu cầu ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị KK trả tiền vốn 748.035.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/6/2020 đến ngày 25/02/2022, số tiền 160.471.000 đồng và tính lãi suất 1%/tháng đến khi thanh toán hết nợ.

Hợp đồng mua bán không thể hiện thỏa thuận về lãi suất chậm trả, tuy nhiên, tại các biên bản đối chiếu công nợ có quy định thời gian thanh toán 120 ngày kể từ ngày giao hàng và nếu sau thời gian quy định mà bên mua không thanh toán thì phải trả thêm lãi suất chậm trả 1%/tháng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông K, bà KK trả lãi 1%/tháng là phù hợp Điều 306 của Luật thương mại, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Đối với ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị KK:* Tòa án nhân dân TP C đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng đến nay ông K, bà KK không có văn bản ý KKến nộp (gửi) cho Tòa án, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn, thể hiện ông K, bà KK từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Hợp đồng mua bán do ông Lê Văn K ký, các chứng từ đối chiếu công nợ do bà Nguyễn Thị KK (vợ ông K) ký xác nhận, do đó, bà Nguyễn Thị KK có trách nhiệm liên đới cùng ông Lê Văn K trả nợ.

Xét đề nghị của Viện KKểm sát nhân dân TP C là có căn cứ.

Từ phân tích trên, buộc ông Lê Văn K, sinh năm 1982 - Chủ hộ Kinh doanh Đại lý vật tư nông nghiệp "K KK" và bà Nguyễn Thị KK có trách nhiệm liên đới trả cho Doanh nghiệp tư nhân V N số tiền vốn 748.035.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/02/2022 là 160.471.000 đồng và tính lãi suất 1%/tháng đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Lê Văn K - Chủ hộ Kinh doanh Đại lý vật tư nông nghiệp "K KK" và bà Nguyễn Thị KK có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 39.255.000 đồng.

Doanh nghiệp tư nhân V N không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; đểm b khoản 1 Điều 39 của Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 306 của Luật thương mại;

Căn cứ các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Chấp nhận yêu cầu của Doanh nghiệp tư nhân V N;

Buộc ông Lê Văn K, sinh năm 1982 - Chủ hộ Kinh doanh Đại lý vật tư nông nghiệp "K KK" và bà Nguyễn Thị KK có trách nhiệm liên đới trả cho Doanh nghiệp tư nhân V N tiền vốn 748.035.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/02/2022 là 160.471.000 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi 908.506.000 đồng (chín trăm lẻ tám triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan T hành án có quyền chủ động ra quyết định T hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được T hành án) cho đến khi T hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Lê Văn K - Chủ hộ Kinh doanh Đại lý vật tư nông nghiệp "K KK" và bà Nguyễn Thị KK có trách nhiệm liên đới chịu án phí số tiền 39.255.000 đồng (ba mươi chín triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Doanh nghiệp tư nhân V N không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.932.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí tòa án 0007439, ngày 09/12/2020 của Chi cục T hành án dân sự TP C, tỉnh Đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thỏa thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật T hành án dân sự; Thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự".